

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Pa Tân, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH ÔN THI LỚP 9 VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026 Môn Toán

I. Đặc điểm tình hình bộ môn năm học 2025 – 2026

1. Đội ngũ giáo viên

- Danh sách và phân công giảng dạy của giáo viên ôn:

GV: Lò Thị Pâng - chuyên môn Toán

- Ưu điểm của đội ngũ giáo viên ôn:

+ Luôn tâm huyết và nhiệt tình với công việc được giao.

+ Thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp về phương pháp ôn tập ở những năm học trước và các đồng nghiệp trường bạn.

- Hạn chế của đội ngũ giáo viên ôn:

+ Thời gian tìm hiểu tài liệu còn chưa nhiều do còn nhiều công việc trông chéo.

2. Học sinh lớp 9

* Tổng số học sinh lớp 9 toàn trường: 67 em

* Nhận xét chung về những ưu điểm và hạn chế của học sinh:

- Ưu điểm:

+ Một số em tiếp thu bài tương đối tốt biết cách áp dụng các kiến thức cơ bản vào làm bài tập.

- Hạn chế:

+ Còn nhiều học sinh nắm chưa vững kiến thức cơ bản môn toán trong chương trình cấp THCS.

+ Một số bộ phận học sinh chưa xác định được mục đích học tập, còn lười học, không chuẩn bị bài đầy đủ khi đến lớp. Cá biệt còn có học sinh không bao giờ làm bài tập giáo viên giao về nhà. Hiện tượng học sinh trong giờ học chỉ ngồi chờ chép bài, không chịu động não làm bài tập vẫn còn.

3. Những thuận lợi, khó khăn đối với việc tổ chức ôn tập của bộ môn

a. Thuận lợi

* Nhà trường

- Chủ động xây dựng kế hoạch ôn thi sớm, chỉ đạo các giáo viên rà soát chương trình, nhà trường để xây dựng kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho công tác ôn thi đạt hiệu quả cao nhất như: chủ động sắp xếp thời khóa biểu ôn thi.

* Giáo viên:

- Nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của BGH nhà trường.

- Trên cơ sở đánh giá công tác ôn thi năm học trước GV đã rút ra được những điểm mạnh cần phát huy và những tồn tại từ đó GV chủ động khắc phục

những tồn tại, nghiên cứu tìm tòi tài liệu, lựa chọn phương pháp phù hợp cho từng nhóm đối tượng HS trong lớp; tổ chức ôn tập bằng nhiều phương pháp dạy học tích cực.

- GV nhiệt tình, tìm tòi, có trách nhiệm cao trong công việc.

b. Khó khăn:

- Tài liệu ôn tập còn ít đa số giáo viên phải tự tìm hiểu.

- Nhiều em rỗng kiến thức từ lớp dưới, khi thực hiện tiết ôn tập giáo viên phải ôn lại toàn bộ các kiến thức liên quan.

- Vẫn còn một số em mải chơi, không chú ý trong giờ ôn tập.

- Nhiều phụ huynh học sinh không quan tâm, động viên con em mình học tập, còn có tư tưởng phó mặc cho nhà trường.

II. Mục tiêu

Xác định đối tượng học sinh đăng ký ôn thi vào lớp 10 về thực tiễn trong quá trình dạy học chính khóa. Nắm chắc đối tượng, phân loại cấp độ hiểu biết về kiến thức và kỹ năng làm bài của học sinh thông qua các bài kiểm tra, kiểm định chất lượng và kết quả dạy học đại trà.

Dạy ôn thi theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của Bộ giáo dục - Đào tạo và chương trình giảm tải đã ban hành. Hướng học sinh nắm chắc chân lý kiến thức và kỹ năng làm bài thi của thí sinh.

- Tổng số HS lớp 9 năm học 2025 - 2026 là 67 em

- Dự kiến số học sinh đăng kí dự thi bộ môn: em. Trong đó phân đầu:

+ Tỷ lệ học sinh dự thi có điểm thi từ trung bình trở lên: 03 em

+ Tỷ lệ học sinh dự thi có điểm thi dưới TB: em

+ Phân đầu không để học sinh bị điểm liệt.

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Về giáo viên

+ Nghiên cứu kĩ đối tượng học sinh của lớp mình giảng dạy, từ đó xây dựng nội dung chương trình vừa theo sự chỉ đạo của cấp trên vừa sát với trình độ của học sinh lớp mình.

+ Giáo viên bám sát bảng đặc tả đề tuyển sinh lớp 10 của sở giáo dục đào tạo để ôn tập.

+ Ôn nhuần nhuyễn các chủ đề, sau chủ đề kiểm tra kiến thức của học sinh.

+ Hệ thống hóa kiến thức từ cơ bản phù hợp với đối tượng học sinh.

+ Chú ý ôn luyện theo chủ đề. Dạy, rèn luyện, kiểm tra, rút kinh nghiệm theo chủ đề.

+ Chú trọng công tác đôi bạn cùng tiến, học sinh khá, giỏi giúp học sinh trung bình, yếu cách làm bài dưới sự giám sát của giáo viên.

+ Cung cấp đầy đủ và đúng các tài liệu cho học sinh ôn luyện theo định hướng, phô tô các bài kiểm tra theo chủ đề và bộ đề thi tuyển sinh lớp 10 những năm gần đây để các em rèn luyện.

+ Giáo viên ra đề bài để học sinh tự học ở nhà, đồng thời trao đổi với bạn bè. Sau đó những ý nào, câu nào mà học sinh gặp khó khăn thì giáo viên gợi ý cách làm. Đồng thời chữa mẫu một số bài để rèn luyện kỹ năng trình bày bài làm cho học sinh và phát huy khả năng tự học của học sinh.

+ Khuyến khích học sinh tìm ra các phương pháp hay.

+ Kết hợp ôn theo các chủ đề dựa vào cấu trúc đề thi của các năm gần đây và bảng đặc tả đề tuyển sinh của sở giáo dục để ôn tập cho các em.

+ Phân tích các dạng đề thi và cho học sinh thi thử và chữa bài cho học sinh.

2. Về học sinh

- Mua tài liệu ôn thi và học tập tốt 3 môn thi vào lớp 10.

- Chấp hành quy định của giáo viên dạy ôn thi, làm các dạng đề thi ở mức độ tương đương vào lớp 10 trong hai năm gần nhất.

- Thường xuyên rèn luyện kỹ năng làm bài theo yêu cầu của giáo viên.

IV. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG

Phần 1: Kiến thức

STT	CHUYÊN ĐỀ	NỘI DUNG	GHI CHÚ
Phần I: Đại số			
1	Phương trình bậc nhất hai ẩn và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. - Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. - Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. - Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,...). 	
2	Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được bất đẳng thức và mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (tính chất bắc cầu; liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân). - Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn. - Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn. Giải được phương trình tích và phương trình chứa ẩn ở mẫu quy về phương trình bậc nhất một ẩn. 	
3	Căn bậc hai. Căn bậc ba	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm, căn bậc ba của một số thực. Khái niệm về căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của một biểu thức đại số. - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai, căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay. - Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm - Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số 	
4	Hàm số $y = ax^2$ (a khác 0).	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 	

	Phương trình bậc hai một ẩn	<p>0).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị - Giải thích được định lí Viète và ứng dụng - Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. 	
Xác suất - thống kê			
5	Tần số và tần số tương đối	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 9 và trong thực tiễn. - Xác định được tần số (<i>frequency</i>) của một giá trị. - Thiết lập được bảng tần số, biểu đồ tần số (biểu diễn các giá trị và tần số của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số trong thực tiễn. - Xác định được tần số tương đối (<i>relative frequency</i>) của một giá trị. - Thiết lập được bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối (biểu diễn các giá trị và tần số tương đối của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ hình quạt tròn). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số tương đối trong thực tiễn. - Thiết lập được bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm. - Thiết lập được biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm (<i>histogram</i>) (ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng). - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>), biểu đồ hình quạt tròn (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>). - Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. 	
6	Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. - Tính được xác suất của biến cố bằng cách kiểm đếm số trường hợp có thể và số trường hợp thuận lợi trong một số mô hình xác suất đơn giản. 	
Phần II: Hình học			
7	Hệ thức lượng trong tam	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các giá trị sin (<i>sine</i>), côsin (<i>cosine</i>), tang (<i>tangent</i>), côtang (<i>cotangent</i>) của góc nhọn. - Giải thích được tỉ số lượng giác của hai góc phụ 	

	giác vuông	<p>nhau. Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn bằng máy tính cầm tay. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn 	
8	Đường tròn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn. - Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn - So sánh được độ dài của đường kính và dây. - Mô tả được ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn - Giải thích được dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn và tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau. 	
9	Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. - Nhận biết được định nghĩa đường tròn ngoại tiếp tam giác, đường tròn nội tiếp tam giác. - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm, số đo góc nội tiếp. - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông, tam giác đều. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác đều. 	
10	Một số hình khối trong thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả (đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình trụ. - Mô tả (đỉnh, đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình nón. - Mô tả (tâm, bán kính), tạo lập được hình cầu, mặt cầu. Nhận biết được phần chung của mặt phẳng và hình cầu. - Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu. Tính được diện tích mặt cầu. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu 	

Phần 2: Cấu trúc đề thi

Stt	Chuyên đề	Điểm	Tổng
-----	-----------	------	------

		<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>VD cao</i>	
1	Phần đại số	1,5	1,5	1,5	0,5	5,0
2	Phần hình học	1,0	1,0	0,5	0,5	3,0
3	Xác suất và thống kê	0,5	0,5	1,0		2,0
Tổng điểm		3,0	3,0	3,0	1,0	10,0

Lưu ý: Các nội dung trong các chuyên đề phải đáp ứng được yêu cầu cần đạt ở lớp 9 thuộc chương trình GDPT 2018 bộ môn Toán.

Phần 3: Kỹ năng:

- Biết cách vận dụng kiến thức đã học để làm tốt các bài tập liên quan.

Phần 4: Định hướng kế hoạch

Tháng	Thứ	Nội dung	Ghi chú
9/2025	6	- Phương trình bậc nhất hai ẩn và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	
10/2025	6	- Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn	
11/2025	6	- Căn bậc hai. Căn bậc ba	
12/2025	6	- Hàm số $y = ax^2$ (a khác 0). Phương trình bậc hai một ẩn	
01/2026	6	- Tần số và tần số tương đối - Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản	
02/2026	6	- Hệ thức lượng trong tam giác vuông - Đường tròn	
03/2026	6	- Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp - Một số hình khối trong thực tiễn	
04/2026	6	- Luyện đề	
05/2026	6	- Luyện đề	

Giáo viên lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lò Thị Suyên

Xác nhận của tổ chuyên môn
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lò Thị Pâng

Xác nhận của Ban giám hiệu
(Ký, đóng dấu)



Lê Thị Đông

